TÒA ÁN NHÂN DÂN **THỊ XÃ KINH MÔN** **TỈNH HẢI DƯƠNG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA V NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số:25/2023/HNGĐ-ST
Ngày: 22 - 5 - 2023
V/v "Ly hôn, tranh chấp nuôi con"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA V NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THỊ XÃ KINH MÔN – TỈNH HẢI DƯƠNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Hiền

Các Hội thẩm nhân dân : Ông Nguyễn Văn Xô

Ông Nguyễn Chí Dựng

- Thư ký phiên tòa: Bà Trương Thị Hiền Lương - Thư ký Tòa án nhân dân thị xã Kinh Môn.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân thị xã Kinh Môn tham gia phiên tòa: Bà Hoàng Thị T Diệp - Kiểm sát viên.

Ngày 22/5/2023, tại Hội trường xét xử Tòa án nhân dân thị xã Kinh Môn xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 84/2023/TLST- HNGĐ ngày 14 tháng 3 năm 2023 về việc "Ly hôn, tranh chấp nuôi con khi ly hôn" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số:14b/2023/QĐXX-ST ngày 12 tháng 4 năm 2023 và Quyết định hoãn phiên tòa số:14/2023/QĐST-HNGĐ ngày 05 tháng 5 năm 2023 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Chị Nguyễn Thị T, sinh năm 1989. Có mặt tại phiên tòa.

- *Bị đơn:* Anh Vũ Tuấn V, sinh năm 1984. Vắng mặt tại phiên tòa.

Đều có địa chỉ: đường M, KDC B 2, phường M, thị xã Kinh Môn, tỉnh Hải Dương.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện và quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn chị Nguyễn Thị T trình bày: Chị và anh Vũ Tuấn V kết hôn trên cơ sở tự nguyện tìm hiểu và được đăng ký kết hôn tại UBND thị trấn M (nay là phường M) vào ngày 23 tháng 11 năm 2011. Sau ngày cưới vợ chồng chung sống hòa thuận đến năm 2017 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn chủ yếu là do anh V chơi bời, nợ nần, không có trách nhiệm, chăm sóc gia đình vợ con, kinh tế gia đình sa sút. Nhiều lần chị và gia đình bố mẹ hai bên đã động viên khuyên bảo. Năm 2020, anh V đã phải viết bản cam kết hứa hẹn thay đổi, nhưng chứng nào tật ấy, ngày một sa đà hơn. Không thể chịu đựng mãi được, nên giữa năm 2020 chị và anh V đã tự sống ly thân. Nay chị thấy tình cảm vợ chồng thực sự không còn, mâu thuẫn giữa đôi bên không thể khắc phục được, nên chị đề nghị Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn anh V.

Anh Vũ Tuấn V trình bày: Anh kết hôn với chị Nguyễn Thị T trên tinh thần tự nguyện, được đăng ký kết hôn tại UBND thị trấn M (nay là phường M) vào ngày 23 tháng 11 năm 2011. Vợ chồng chung sống vui vẻ đến năm 2017 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn chủ yếu là do anh có mải chơi dẫn đến kinh tế gia đình sa sút. Đầu năm 2019, chị T có chán nản bỏ về nhà ngoại cùng phường M ở, đến ngày 12/5/2020 anh có viết Bản cam kết và chị T đã quay về cùng anh. Sau khi chị T quay về, quan hệ vợ chồng có sự cải thiện, nhưng đến tháng 3/2022 chị T lại bỏ về nhà ngoại ở, mọi quan hệ vợ chồng lại sống ly thân từ đó cho đến nay. Nay chị T xin ly hôn, anh vẫn mong muốn được đoàn tụ, còn nếu chị T cương quyết xin được ly hôn thì chị T đưa cho anh 5-6 trăm triệu để làm ăn, anh sẽ giải quyết dứt điểm cho chị T được ly hôn và nuôi cả hai con.

Về con chung: Chị T và anh V có hai con chung là cháu Vũ Kim N, sinh ngày 08/10/2012 và cháu Vũ Trà My, sinh ngày 03/11/2016. Hiện hai cháu đều đang ở cùng chị T. Nay chị T xin được nuôi cả hai cháu và tự nguyện không yêu cầu anh V cấp dưỡng tiền nuôi con chung. Anh V cũng muốn được nuôi các cháu và yêu cầu chị T cấp dưỡng tiền nuôi con chung theo quy định.

Cháu Vũ Kim N và cháu Vũ Trà My đều có nguyện vọng xin được ở cùng chị T.

Về tài sản chung, riêng, vay nợ: Chị T và anh V đều không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Xác minh tại địa phương phường M cung cấp: Chị T và anh V đăng ký kết hôn tại UBND phường M. Quá trình chung sống anh chị nảy sinh mâu thuẫn, hiện không còn tình cảm trách nhiệm đối với nhau. Nay chị T đề nghị Tòa án giải quyết ly hôn và yêu cầu nuôi dưỡng con chung, thì địa phương đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định pháp luật.

Bà Hứa Thị Thu (mẹ đẻ của chị T) đề nghị Tòa án xem xét giải quyết theo nguyện vọng của chị T và có trách nhiệm hỗ trợ chị T trong quá trình chị T chăm sóc nuôi dưỡng con chung nếu chị T được nuôi dưỡng.

Tại phiên tòa hôm nay, chị T có mặt giữ nguyên quan điểm như đã trình bày. Anh V vắng mặt mặc dù đã được Tòa án triệu tập hợp lệ.

Đại diện VKSND thị xã Kinh Môn phát biểu ý kiến:

Về tố tụng: Trong quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa sơ thẩm, Thẩm phán và Hội đồng xét xử thực hiện đúng thủ tục tố tụng. Đối với nguyên đơn chị Nguyễn Thị T đã thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ của đương sự quy định tại Điều 70, 71 BLTTDS năm 2015. Đối với bị đơn anh Vũ Tuấn V vắng mặt khi được Tòa án triệu tập là vi phạm quyền và nghĩa vụ của đương sự quy định tại Điều 70, 72 BLTTDS năm 2015. Về nội dung: Đề nghị áp dụng khoản 1 Điều 56, khoản 1 Điều 81, 82, 83 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228, Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 của Ủy ban thường vụ Quốc hội.

Về quan hệ hôn nhân: Xử cho chị Nguyễn Thị T được ly hôn với anh Vũ Tuấn V.

Về con chung: Giao cháu Vũ Kim N, sinh ngày 08/10/2012 và cháu Vũ Trà My, sinh ngày 03/11/2016 cho chị T được trực tiếp nuôi dưỡng đến khi các cháu trưởng thành đủ 18 tuổi. Chấp nhận sự tự nguyện của chị T không yêu cầu anh V phải cấp dưỡng nuôi con chung. Người không trực tiếp nuôi dưỡng con chung có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung không ai được cản trở.

Về tài sản chung, riêng, công nợ: Không yêu cầu nên không đặt ra việc giải quyết

Về án phí: Chị Nguyễn Thị T phải nộp tiền án phí sơ thẩm ly hôn là 300.000 đồng.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về thủ tục tố tụng: Xét yêu cầu khởi kiện về việc ly hôn, tranh chấp nuôi con khi ly hôn của chị Nguyễn Thị T đối với anh Vũ Tuấn V có đăng ký hộ khẩu thường trú tại KDC B 2, phường M, thị xã Kinh Môn, tỉnh Hải Dương. Quá trình Tòa án hòa giải và đưa vụ án ra xét xử anh Vũ Tuấn V không có mặt, mặc dù đã được triệu tập hợp lệ. Do vậy, TAND thị xã Kinh Môn áp dụng điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự, xét xử vắng mặt anh Vũ Tuấn V là phù hợp.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Chị Nguyễn Thị T kết hôn với anh Vũ Tuấn V trên tinh thần tự nguyện, được đăng ký kết hôn là quan hệ hôn nhân hợp pháp. Xét nguyên nhân gây mâu thuẫn dẫn tới việc chị T đề nghị xin ly hôn anh V, chủ yếu là do đôi bên có sự bất đồng với nhau về quan điểm sống, anh V không tự khắc phục được những hạn chế của bản thân, dẫn đến kinh tế gia đình sa sút. Hiện anh chị đã tự sống ly thân. Quá trình Tòa án tiến hành hòa giải và tại phiên tòa chị T giữ nguyên quan điểm xin được ly hôn, anh V vắng mặt. Những điều đó chứng tỏ hôn nhân giữa chị T và anh V không có khả năng hàn gắn, mâu thuẫn giữa đôi bên đã trầm trọng, mục đích của hôn nhân không thành, nên chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị T. Áp dụng khoản 1 Điều 51, Điều 56 của Luật Hôn nhân và Gia đình để xử cho chị Nguyễn Thị T được ly hôn anh Vũ Tuấn V là phù hợp.

[3] Về con chung: Chị T và anh V có hai con chung là cháu Vũ Kim N, sinh ngày 08/10/2012 và cháu Vũ Trà My, sinh ngày 03/11/2016. Xét yêu cầu nuôi dưỡng con chung của chị T và anh V đều chính đáng và phù hợp với quy định của pháp luật. Song để đảm bảo sự ổn định, phù hợp với nguyện vọng của hai con, nên cần xem xét chấp nhận giao cháu N và cháu My cho chị T trực tiếp nuôi dưỡng là phù hợp.

[4] Về yêu cầu cấp dưỡng nuôi con: Chị T tự nguyện không yêu cầu, nên không đặt ra việc giải quyết.

[5] Về chia tài sản: Các đương sự đều không yêu cầu, nên không đặt ra việc giải quyết trong vụ án.

[6] Về án phí: Căn cứ Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy

định về mức thu án phí và lệ phí Tòa án thì chị T phải nộp tiền án phí sơ thẩm ly hôn.

Vì các lẽ trên:

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 56, Điều 81,82,83 Luật Hôn nhân và Gia đình; khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228, điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự; Điểm a khoản 5, điểm a khoản 6 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội về án phí, lệ phí Tòa án. **Tuyên xử:**

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Nguyễn Thị T.

1.Về hôn nhân: Cho ly hôn giữa chị Nguyễn Thị T và anh Vũ Tuấn V.

2.Về con chung: Giao con chung cháu Vũ Kim N, sinh ngày 08/10/2012 và cháu Vũ Trà My, sinh ngày 03/11/2016 cho chị Nguyễn Thị T trực tiếp nuôi dưỡng kể từ khi bản án có hiệu lực pháp luật đến khi cháu N, My đủ tuổi trưởng thành (đủ 18 tuổi).

Người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung không ai được cản trở.

3.Về yêu cầu cấp dưỡng: Chấp nhận sự tự nguyện của chị T không yêu cầu việc cấp dưỡng nuôi con chung.

4. Về chia tài sản, số nợ chung, riêng: Các bên không yêu cầu nên không đặt ra việc giải quyết.

5. Về án phí: Chị Nguyễn Thị T phải nộp 300.000đ tiền án phí sơ thẩm ly hôn, nhưng được đối trừ vào khoản tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000đ theo biên lai thu tiền số: AA/2021/0002070 ngày 14/3/2023 của Chi cục thi hành án dân sự thị xã Kinh Môn. Chị T đã nộp đủ.

6. Về quyền kháng cáo: Chị Nguyễn Thị T được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Anh Vũ Tuấn V được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Nơi nhận:
- VKSND thị xã Kinh Môn;
- Chi cục THADS thị xã Kinh Môn;
- UBND phường M;
- Các đương sự;
- Lưu Hồ sơ ,VP.

T.M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Thị Hiền